

Số: **93** /TTr-UBND

Bắc Kạn, ngày **21** tháng 7 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**Về việc điều chỉnh Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về việc quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Thông báo số 38/TB-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh về dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thứ ba HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về việc quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2021, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số năm 2015, UBND tỉnh có nhiệm vụ xây dựng, trình HĐND tỉnh quyết định biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND các cấp trên địa bàn tỉnh theo số biên chế được Bộ Nội vụ giao, thẩm định. Thực hiện quy định nêu trên, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/12/2020, trong đó quyết định 1.489 biên chế công chức; phê duyệt 9.336 người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; 67 người làm việc trong tổ chức hội và 397 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện quản lý sử dụng biên chế, do sắp xếp lại tổ chức bộ máy và thực tế thiếu biên chế theo định mức của các cơ quan, đơn vị, cần xem xét điều chỉnh biên chế giữa các cơ quan, đơn vị để bảo đảm phù hợp.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích xây dựng Nghị quyết**

Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 47/NQ-HĐND của HĐND tỉnh là căn cứ để UBND tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Đồng thời, là cơ sở để phân bổ, điều chỉnh kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Việc xây dựng Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 47/NQ-HĐND phải bảo đảm theo quy định của pháp luật về giao, quản lý, sử dụng, điều chỉnh biên chế công chức, số lượng người làm việc và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

### III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết của HĐND tỉnh điều chỉnh biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của HĐND và UBND tỉnh.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao, điều chỉnh biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2021.

### IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

#### 1. Mục tiêu

Việc xây dựng Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 47/NQ-HĐND nhằm điều chỉnh biên chế giữa các cơ quan, đơn vị trong tổng số biên chế được Bộ Nội vụ giao, thẩm định năm 2021 để bảo đảm phù hợp với việc sắp xếp lại tổ chức chức bộ máy; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị do thực trạng thiếu biên chế của tỉnh.

#### 2. Nội dung của Nghị quyết

##### *2.1. Điều chỉnh biên chế công chức tại Phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND*

Điều chỉnh 06 biên chế công chức của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh do kiện toàn lại tổ chức bộ máy theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 06/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

- Điều chỉnh tăng 05 biên chế công chức cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để bố trí thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh.

- Điều chỉnh tăng 01 biên chế công chức cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để điều chuyển 01 Phó chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh sang Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Căn cứ điều chỉnh biên chế nêu trên: Thực hiện Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 06/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp và Thông báo số 207-TB/TU ngày 16/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương kiện toàn lại Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 về việc kiện toàn lại Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, trong đó đổi tên thành Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Lãnh đạo Văn phòng có Chánh Văn phòng do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm nhiệm, không quá 02 Phó chánh Văn phòng (*trong đó 01 Phó chánh Văn phòng chuyên trách, 01 Phó Chánh Văn phòng do Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn kiêm nhiệm*) và bố trí công chức thuộc Chi cục Phát triển nông thôn đến làm việc chuyên trách; đơn vị đi vào hoạt động từ ngày 01/5/2021. Do đó, việc điều chỉnh 06 biên chế công chức của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn

mới tình phù hợp với quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, tình hình thực tiễn của địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

## **2.2. Điều chỉnh số lượng người làm việc tại Phụ lục 02 kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND**

Điều chỉnh 450 biên chế viên chức sự nghiệp y tế thuộc Sở Y tế<sup>1</sup> sang sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố để bố trí cho các trường học thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022, cụ thể như sau:

- Sở Giáo dục và Đào tạo<sup>2</sup>: Tăng 10 biên chế.
- UBND thành phố Bắc Kạn<sup>3</sup>: Tăng 60 biên chế.
- UBND huyện Ba Bể<sup>4</sup>: Tăng 60 biên chế.
- UBND huyện Ngân Sơn<sup>5</sup>: Tăng 50 biên chế.
- UBND huyện Chợ Đồn<sup>6</sup>: Tăng 55 biên chế.
- UBND huyện Na Rì<sup>7</sup>: Tăng 30 biên chế.
- UBND huyện Bạch Thông<sup>8</sup>: Tăng 43 biên chế.

<sup>1</sup> Biên chế sự nghiệp y tế của tỉnh là 1.637 người (trong đó: Sở Y tế: 1.619; Sở Lao động, TB&XH: 17; Trường Cao đẳng Bắc Kạn: 01).

<sup>2</sup> Sở Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch năm học 2021-2022 gồm có 14 trường và 02 trung tâm: Bậc THPT 14 trường, 203 lớp, 7.903 học sinh (trường THPT Chuyên: 18 lớp, 518 học sinh; Trường PTDT nội trú Bắc Kạn: 12 lớp, 417 học sinh); Bậc THCS (liên cấp) gồm có 04 trường, 32 lớp, 1.034 học sinh; Trung tâm GDTEKT, bậc mầm non có 04 lớp, 25 trẻ, bậc tiểu học 06 lớp, 50 học sinh; Trung tâm GDTX tỉnh, tư vấn hướng nghiệp cho 3.843 học sinh THCS và 1.540 học sinh THPT, dạy nghề THPT 25 lớp, 713 học sinh. Biên chế được giao năm 2021 là 714 biên chế viên chức (sự nghiệp GD&ĐT), theo định mức biên chế, các trường học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo còn thiếu 15 biên chế.

<sup>3</sup> UBND thành phố, Kế hoạch năm học 2021-2022: Bậc mầm non 08 trường, 89 lớp mẫu giáo, 2.370 trẻ; bậc tiểu học 08 trường, 147 lớp, 4.699 học sinh; bậc THCS 06 trường THCS, 74 lớp, 3.001 học sinh. Biên chế được giao năm 2021 là 629 biên chế viên chức (sự nghiệp GD&ĐT: 596; sự nghiệp Văn hóa, TT&TT: 14; sự nghiệp khác: 19), theo định mức biên chế, các trường học thuộc UBND thành phố còn thiếu 96 biên chế viên chức.

<sup>4</sup> UBND huyện Ba Bể, Kế hoạch năm học 2021-2022: Bậc mầm non 15 trường, 15 nhóm, 373 trẻ, mẫu giáo 127 lớp, 2.485 trẻ; bậc tiểu học 13 trường và 02 trường TH&THCS, 250 lớp, 4.613 học sinh; bậc THCS 13 trường và 02 trường TH&THCS, 93 lớp, 2.825 học sinh. Biên chế được giao năm 2021 là 979 biên chế viên chức (sự nghiệp GD&ĐT: 954; sự nghiệp Văn hóa, TT&TT: 14; sự nghiệp khác: 11), theo định mức biên chế, các trường học thuộc UBND huyện Ba Bể còn thiếu 99 biên chế viên chức.

<sup>5</sup> UBND huyện Ngân Sơn, Kế hoạch năm học 2021-2022: Bậc mầm non 11 trường, 22 nhóm, 419 trẻ, mẫu giáo 86 lớp, 1.529 trẻ; bậc tiểu học 09 trường và 02 trường TH&THCS, 156 lớp, 2.984 học sinh; bậc THCS 07 trường THCS và 02 trường TH&THCS, 52 lớp, 1.499 học sinh. Biên chế được giao năm 2021 là 654 biên chế viên chức (sự nghiệp GD&ĐT: 631; sự nghiệp Văn hóa, TT&TT: 13; sự nghiệp khác: 10), theo định mức biên chế, các trường học thuộc UBND huyện Ngân Sơn còn thiếu 81 biên chế viên chức.

<sup>6</sup> UBND huyện Chợ Đồn, Kế hoạch năm học 2021-2022: Bậc mầm non 20 trường, 36 nhóm, 598 trẻ, mẫu giáo 118 lớp, 2.617 trẻ; bậc tiểu học 11 trường và 09 trường TH&THCS, 216 lớp, 4.539 học sinh; bậc THCS 06 trường THCS và 06 trường TH&THCS 92 lớp, 2.773 học sinh. Biên chế được giao năm 2021 là 989 biên chế viên chức (sự nghiệp GD&ĐT: 961; sự nghiệp Văn hóa, TT&TT: 14; sự nghiệp khác: 14), theo định mức biên chế, các trường học thuộc UBND huyện Chợ Đồn còn thiếu 92 biên chế viên chức.

<sup>7</sup> UBND huyện Na Rì, Kế hoạch năm học 2021-2022: Bậc mầm non 18 trường, 37 nhóm, 717 trẻ, mẫu giáo 100 lớp, 1.996 trẻ; bậc tiểu học 04 trường và 15 trường TH&THCS, 177 lớp, 3.674 học sinh; bậc THCS 05 trường THCS và 15 trường TH&THCS 96 lớp, 2.359 học sinh. Biên chế được giao năm 2021 là 938 biên chế viên chức (sự nghiệp GD&ĐT: 912; sự nghiệp Văn hóa, TT&TT: 13; sự nghiệp khác: 13), theo định mức biên chế, các trường học thuộc UBND huyện Na Rì còn thiếu 50 biên chế viên chức.

<sup>8</sup> Tại kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 02/4/2021 của UBND huyện Bạch Thông về số lượng người làm việc năm 2022, đơn vị không đề nghị tăng thêm biên chế viên chức. Do đó, tại Kế hoạch số lượng người làm việc năm

- UBND huyện Chợ Mới<sup>9</sup>: Tăng 42 biên chế.
- UBND huyện Pác Nặm<sup>10</sup>: Tăng 100 biên chế.

Căn cứ điều chỉnh biên chế nêu trên: Qua báo cáo của các cơ quan, đơn vị, hiện nay còn thiếu 1.099 biên chế viên chức để thực hiện nhiệm vụ (*sự nghiệp giáo dục 672; sự nghiệp y tế 382; sự nghiệp văn hóa 01, sự nghiệp khác 44 biên chế*). Việc thiếu biên chế nêu trên, hàng năm UBND tỉnh đã báo cáo, đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung cho tỉnh, tuy nhiên đến nay tỉnh chưa được phê duyệt bổ sung số biên chế viên chức còn thiếu.

Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế được giao 1.656 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (*trong đó: Sự nghiệp y tế là 1.619, sự nghiệp khác là 37*), tuy nhiên trên thực tế các đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp trả lương cho 696 biên chế và số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 960 biên chế. Theo Kế hoạch biên chế sự nghiệp y tế năm 2022, đơn vị xác định cần phải có tối thiểu 2.041 biên chế để thực hiện nhiệm vụ, còn thiếu tối thiểu 382 biên chế<sup>11</sup> thực hiện nhiệm vụ được giao. Do đó, khi điều chỉnh giảm biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước của Sở Y tế nêu trên, UBND tỉnh căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người trong đơn vị sự nghiệp công lập và nguồn thu sự nghiệp của đơn vị giao 908 biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp cho các đơn vị thuộc Sở Y tế theo quy định.

Đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Theo kế hoạch năm học 2021-2022<sup>12</sup>, các cơ sở giáo dục còn thiếu biên chế theo định mức quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo là 672 biên chế viên chức. Để bảo đảm số biên chế viên chức tối

2022 của UBND tỉnh gửi Bộ Nội vụ, trong đó đề nghị thẩm định bổ sung 1.099 biên chế sự nghiệp (*sự nghiệp giáo dục 672; sự nghiệp y tế 382; sự nghiệp văn hóa 01, sự nghiệp khác 44*), không có nhu cầu tăng thêm biên chế của huyện Bạch Thông. Tuy nhiên, đến ngày 15/6/2021, UBND huyện Bạch Thông có Công văn số 1185/UBND-NV về việc điều chỉnh nhu cầu biên chế sự nghiệp GD&ĐT năm 2022, trong đó báo cáo số biên chế sự nghiệp GD&ĐT còn thiếu là 72 biên chế, đề nghị trình cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung. Biên chế được giao năm 2021 là 615 biên chế viên chức (*sự nghiệp GD&ĐT: 590; sự nghiệp Văn hóa, TT&TT: 14; sự nghiệp khác: 11*), theo định mức biên chế, các trường học thuộc UBND huyện Bạch Thông còn thiếu 72 biên chế viên chức.

<sup>9</sup> UBND huyện Chợ Mới, Kế hoạch năm học 2021-2022: Bậc mầm non 14 trường, 09 nhóm, 146 trẻ, mẫu giáo 96 lớp, 2.049 trẻ; bậc tiểu học 12 trường và 03 trường TH&THCS, 168 lớp, 3.785 học sinh; bậc THCS 07 trường THCS và 03 trường TH&THCS, 67 lớp, 2.139 học sinh. Biên chế được giao năm 2021 là 727 biên chế viên chức (*sự nghiệp GD&ĐT: 703; sự nghiệp Văn hóa, TT&TT: 14; sự nghiệp khác: 10*), theo định mức biên chế, các trường học thuộc UBND huyện Chợ Mới còn thiếu 69 biên chế viên chức.

<sup>10</sup> UBND huyện Pác Nặm, Kế hoạch năm học 2021-2022: Bậc mầm non 11 trường, 10 nhóm, 251 trẻ, mẫu giáo 126 lớp, 2.225 trẻ; bậc tiểu học 09 trường và 03 trường TH&THCS, 207 lớp, 3.856 học sinh; bậc THCS 08 trường THCS và 03 trường TH&THCS, 77 lớp, 2.521 học sinh. Biên chế được giao năm 2021 là 771 biên chế viên chức (*sự nghiệp GD&ĐT: 747; sự nghiệp Văn hóa, TT&TT: 13; sự nghiệp khác: 11*), theo định mức biên chế, các trường học thuộc UBND huyện Pác Nặm còn thiếu 170 biên chế viên chức.

<sup>11</sup> Vận dụng theo định mức biên chế quy định tại Theo định mức số lượng người làm việc được quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV của Bộ Y tế thì các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn còn thiếu 845 biên chế, tuy nhiên Sở Y tế xác định số liệu cần bổ sung biên chế tối thiểu cho ngành y tế là 382 biên chế.

<sup>12</sup> Theo kế hoạch năm học 2021-2022, toàn tỉnh có tổng số 111 trường mầm non, 151 nhóm trẻ với 2.884 trẻ, 819 lớp mẫu giáo với 16.889 trẻ; bậc tiểu học có 114 trường có cấp tiểu học, trong đó: 73 trường tiểu học, 41 trường tiểu học và trung học cơ sở với 1.441 lớp và 30.882 học sinh; bậc THCS có 101 trường có cấp THCS trong đó: 56 trường trung học cơ sở, 41 trường tiểu học và trung học cơ sở, 4 trường THPT với 641 lớp và 19.835 học sinh bậc THPT có 14 trường (*04 trường THPT có cấp THCS; 10 trường THPT*), 203 lớp với 7.903 học sinh.

thiếu thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 - 2022<sup>13</sup>, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh 450 biên chế viên chức sự nghiệp y tế thuộc Sở Y tế sang biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố. Việc điều chỉnh biên chế nêu trên vẫn trong tổng số 9.336 biên chế viên chức sự nghiệp tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND.

*(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)*

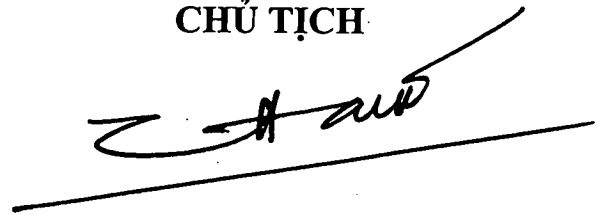
Trên đây là Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/12/2020, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh gửi kèm theo)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT. HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP;
- Lưu: VT, NCPC (Thái).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Long Hải**

<sup>13</sup> Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các trường học phải tăng giáo viên các bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh của các bậc học so với chương trình giáo dục phổ thông cũ.

**Phụ lục 01. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2021**

(Kèm theo Tờ trình số **93** /TTr-UBND ngày **21**/7/2021 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Số biên chế công chức được quyết định tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	Phương án điều chỉnh	Số biên chế công chức sau điều chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.489</b>		<b>1.489</b>	
<b>A</b>	<b>KHỐI SỐ, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG</b>	<b>893</b>		<b>893</b>	
1	Sở Nội vụ	47		47	
2	Sở Tư pháp	26		26	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32		32	
4	Sở Tài chính	41		41	
5	Sở Công thương	28		28	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	258	5	263	Tăng 05
7	Sở Giao thông vận tải	46		46	
8	Sở Xây dựng	35		35	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	38		38	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	24		24	
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	33	1	34	Tăng 01
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	36		36	
13	Sở Khoa học và Công nghệ	27		27	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	40		40	
15	Sở Y tế	51		51	
16	Thanh tra tỉnh	26		26	
17	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	31		31	
18	Văn phòng UBND tỉnh	42		42	
19	Ban Dân tộc	14		14	
20	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	12		12	
21	Văn phòng điều phối XD nông thôn mới	6	-6	0	Giảm 06
<b>B</b>	<b>KHỐI UBND CÁC HUYỆN, TP</b>	<b>596</b>		<b>596</b>	
1	UBND TP Bắc Kạn	79		79	
2	UBND huyện Ba Bể	75		75	
3	UBND huyện Ngân Sơn	72		72	
4	UBND huyện Chợ Đồn	76		76	
5	UBND huyện Na Rì	75		75	
6	UBND huyện Bạch Thông	73		73	
7	UBND huyện Chợ Mới	73		73	
8	UBND huyện Pác Nặm	73		73	

**Phụ lục 02. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC NĂM 2021**

(Kèm theo Tờ trình số **93** TT-UBND ngày **21/7/2021** của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc được phê duyệt tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/12/2020						Phương án điều chỉnh						Số lượng người làm việc sau điều chỉnh						Ghi chú
		Tổng biên chế được giao	Trong đó						Tổng biên chế giao	Trong đó										
			Sự nghiệp GD&ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TT&TT	Sự nghiệp Khoa học	Sự nghiệp khác	Sự nghiệp GD&ĐT		Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TT&T	Sự nghiệp Khoa học	Sự nghiệp khác	Sự nghiệp GD&ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TT&T	Sự nghiệp Khoa học	Sự nghiệp khác		
1	2	3=4+5+6+7+8	4	5	6	7	8	11	12	12	13	14	16=17+18+19+20+21	17=4+11	18=5+12	19=6+13	20=7+14	21=8+15		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.336</b>	<b>6.904</b>	<b>1.637</b>	<b>278</b>	<b>15</b>	<b>502</b>	<b>450</b>	<b>-450</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9.336</b>	<b>7.354</b>	<b>1.187</b>	<b>278</b>	<b>15</b>	<b>502</b>		
<b>A</b>	<b>KHỐI SỞ, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG</b>	<b>2.816</b>	<b>717</b>	<b>1.636</b>	<b>111</b>	<b>15</b>	<b>337</b>	<b>10</b>	<b>-450</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.376</b>	<b>727</b>	<b>1.186</b>	<b>111</b>	<b>15</b>	<b>337</b>		
1	Sở Nội vụ	13					13						13					13	Giữ nguyên	
2	Sở Tư pháp	37					37						37					37		
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10					10						10					10		
4	Sở Công thương	14					14						14					14		
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	87					87						87					87		
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	60					60						60					60		
7	Sở Thông tin và Truyền thông	18					18						18					18		
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	50	3	17			30						50	3	17			30		
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	116			111		5						116			111		5		
10	Sở Khoa học và Công nghệ	15				15							15				15	0		
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	714	714					10					724	724				0		Tăng 10
12	Sở Y tế	1.656		1.619			37		-450				1.206		1.169			37	Giảm 450	
13	Văn phòng UBND tỉnh	16					16						16					16	Giữ nguyên	
14	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	10					10						10					10		
<b>B</b>	<b>CÁC ĐƠN VỊ SNCL THUỘC UBND TỈNH</b>	<b>218</b>	<b>93</b>	<b>1</b>	<b>58</b>	<b>0</b>	<b>66</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>218</b>	<b>93</b>	<b>1</b>	<b>58</b>	<b>0</b>	<b>66</b>		
1	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể	66					66						66					66		
2	Cao đẳng Bắc Kạn	94	93	1									94	93	1			0		
3	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	58			58								58			58		0		
<b>C</b>	<b>KHỐI UBND CÁC HUYỆN, TP</b>	<b>6.302</b>	<b>6.094</b>	<b>0</b>	<b>109</b>	<b>0</b>	<b>99</b>	<b>440</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6.742</b>	<b>6.534</b>	<b>0</b>	<b>109</b>	<b>0</b>	<b>99</b>		
1	UBND TP Bắc Kạn	629	596		14		19	60					689	656		14		19	Tăng 60	
2	Huyện Ba Bể	979	954		14		11	60					1.039	1.014		14		11	Tăng 60	
3	Huyện Ngân Sơn	654	631		13		10	50					704	681		13		10	Tăng 50	
4	Huyện Chợ Đồn	989	961		14		14	55					1.044	1.016		14		14	Tăng 55	
5	Huyện Na Rì	938	912		13		13	30					968	942		13		13	Tăng 30	
6	Huyện Bạch Thông	615	590		14		11	43					658	633		14		11	Tăng 43	
7	Huyện Chợ Mới	727	703		14		10	42					769	745		14		10	Tăng 42	
8	Huyện Pác Nặm	771	747		13		11	100					871	847		13		11	Tăng 100	

Số: /NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc điều chỉnh Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số người làm việc trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số người làm việc trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh năm 2021 như sau:

1. Điều chỉnh biên chế công chức giữa các cơ quan, đơn vị trong tổng số 1.489 biên chế công chức tại Phụ lục 01, do thực hiện kiện toàn lại tổ chức bộ máy Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh.

2. Điều chỉnh số lượng người làm việc giữa các cơ quan, đơn vị trong tổng số 9.336 người tại Phụ lục 02 để cân đối số lượng người làm việc bảo đảm thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2021 - 2022 của tỉnh.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*



**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá X, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng 8 năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- ....;
- ....;
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HS.

**CHỦ TỊCH**

**Phụ lục 1. ĐIỀU CHỈNH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2021**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /8/2021 của HĐND tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Biên chế giao</b>	<b>Gi chú</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.489</b>	
<b>A</b>	<b>KHỐI SỞ, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG</b>	<b>893</b>	
1	Sở Nội vụ	47	
2	Sở Tư pháp	26	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32	
4	Sở Tài chính	41	
5	Sở Công thương	28	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	263	Tăng 05
7	Sở Giao thông vận tải	46	
8	Sở Xây dựng	35	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	38	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	24	
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	34	Tăng 01
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	36	
13	Sở Khoa học và Công nghệ	27	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	40	
15	Sở Y tế	51	
16	Thanh tra tỉnh	26	
17	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh	31	
18	Văn phòng UBND tỉnh	42	
19	Ban Dân tộc	14	
20	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	12	
<b>B</b>	<b>KHỐI UBND CÁC HUYỆN, TP</b>	<b>596</b>	
1	UBND TP Bắc Kạn	79	
2	UBND huyện Ba Bể	75	
3	UBND huyện Ngân Sơn	72	
4	UBND huyện Chợ Đồn	76	
5	UBND huyện Na Rì	75	
6	UBND huyện Bạch Thông	73	
7	UBND huyện Chợ Mới	73	
8	UBND huyện Pác Nặm	73	

**Phụ lục 2. ĐIỀU CHỈNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP) NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /8/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Đơn vị	Biên chế giao					Ghi chú	
		Tổng	Trong đó					
			Sự nghiệp GD&ĐT	Sự nghiệp p y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TT&TT	Sự nghiệp Khoa học		Sự nghiệp khác
1	2	3=4+5+6+7+8	4	5	6	7	8	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.336</b>	<b>7.354</b>	<b>1.187</b>	<b>278</b>	<b>15</b>	<b>502</b>	
<b>A</b>	<b>KHỐI SỞ, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG</b>	<b>2.376</b>	<b>727</b>	<b>1.186</b>	<b>111</b>	<b>15</b>	<b>337</b>	
1	Sở Nội vụ	13					13	
2	Sở Tư pháp	37					37	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10					10	
4	Sở Công thương	14					14	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	87					87	
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	60					60	
7	Sở Thông tin và Truyền thông	18					18	
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	50	3	17			30	
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	116			111		5	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	15				15		
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	724	724					Tăng 10
12	Sở Y tế	1.206		1.169			37	Giảm 450
14	Văn phòng UBND tỉnh	16					16	
15	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	10					10	
<b>B</b>	<b>CÁC ĐƠN VỊ SNCL THUỘC UBND TỈNH</b>	<b>218</b>	<b>93</b>	<b>1</b>	<b>58</b>	<b>0</b>	<b>66</b>	
1	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể	66					56	
2	Cao đẳng Bắc Kạn	94	93	1				
3	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	58			58			
<b>C</b>	<b>KHỐI UBND CÁC HUYỆN, TP</b>	<b>6.742</b>	<b>6.534</b>	<b>0</b>	<b>109</b>	<b>0</b>	<b>99</b>	
1	UBND TP Bắc Kạn	689	656		14		19	Tăng 60
2	UBND huyện Ba Bể	1.039	1.014		14		11	Tăng 60
3	UBND huyện Ngân Sơn	704	681		13		10	Tăng 50
4	UBND huyện Chợ Đồn	1.044	1.016		14		14	Tăng 55
5	UBND huyện Na Rì	968	942		13		13	Tăng 30
6	UBND huyện Bạch Thông	658	633		14		11	Tăng 43
7	UBND huyện Chợ Mới	769	745		14		10	Tăng 42
8	UBND huyện Pác Nặm	871	847		13		11	Tăng 100